

**PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐÀM RÔNG**

ĐỀ CHÍNH THỨC
(Đề có 02 trang)

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ II

Năm học: 2024 – 2025

MÔN: TOÁN 6

Thời gian làm bài: 90 phút

(không kể thời gian phát đề)

A. TRẮC NGHIỆM. (3,0 điểm) Chọn đáp án đúng trong các câu sau:

Câu 1. Trong các cách viết sau, cách viết nào cho ta một phân số?

A. $\frac{-2,5}{4}$

B. $\frac{-15}{27}$

C. $\frac{2,3}{4,5}$

D. $\frac{25}{0}$

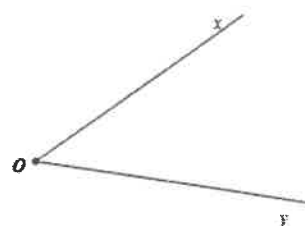
Câu 2. Cho $\widehat{xOy}$ như hình vẽ bên. Chọn khẳng định đúng

A. Điểm O là đỉnh, hai tia xO, Oy là hai cạnh của góc.

B. Điểm O là đỉnh, hai tia Ox, yO là hai cạnh của góc.

C. Điểm O là đỉnh, hai tia Ox, Oy là hai cạnh của góc

D. Điểm O là đỉnh, hai tia xO, yO là hai cạnh của góc



Câu 3. Phân số bằng phân số $\frac{3}{2}$ là:

A. $\frac{2}{3}$

B. $\frac{-3}{2}$

C. $\frac{6}{4}$

D. $\frac{-4}{6}$

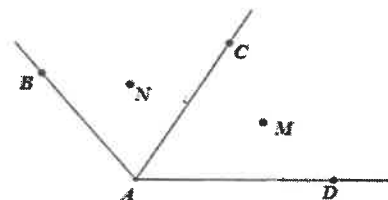
Câu 4. Cho hình vẽ bên. Chọn khẳng định sai

A. Điểm N là điểm nằm bên trong của $\widehat{BAD}$; $\widehat{BAC}$.

B. Điểm N là điểm nằm bên trong của $\widehat{BAD}$; $\widehat{CAB}$.

C. Điểm M là điểm nằm bên trong của $\widehat{BAD}$; $\widehat{CAD}$.

D. Điểm M là điểm nằm bên trong của $\widehat{BAD}$; $\widehat{CAB}$.



Câu 5. Cho dãy dữ liệu sau: Món ăn yêu thích của các thành viên trong gia đình: cháo, rau xào, gà rán, nước ngọt, thịt luộc, xôi. Dữ liệu **không** hợp lý trong dãy dữ liệu đã cho là

A. Xôi.

B. Thịt luộc.

C. Nước ngọt.

D. Gà rán.

Câu 6. Góc có số đo bằng 72° là

A. Góc nhọn.

B. Góc tù.

C. Góc vuông.

D. Góc bẹt.

Câu 7. Tìm hiểu về dụng cụ để đo chiều dài. Dãy dữ liệu nào sau đây là hợp lý?

A. Thước thẳng, thước dây, thước cuộn, thước kẹp, cân đồng hồ.

B. Thước thẳng, thước dây, thước cuộn, thước kẹp.

C. Thước thẳng, cân điện tử, thước dây, thước cuộn,

D. Bình chia độ, đồng hồ cát, nhiệt kế.



Câu 8. Hình vẽ bên là hình ảnh của góc nào?

A. Góc nhọn.

B. Góc tù.

C. Góc vuông.

D. Góc bẹt.

Câu 9. Tung một con xúc xắc 15 lần, có 1 lần xuất hiện mặt 6 chấm. Xác suất thực nghiệm của sự kiện “tung được 6 chấm” là?

A. 15.

B. $\frac{1}{3}$.

C. 2.

D. $\frac{1}{15}$.

Câu 10. Điểm kiểm tra môn Toán của một nhóm học sinh lớp 6D được ghi lại theo bảng sau:

Điểm	6	7	8	9
Số học sinh	4	5	7	2

Nhóm này có bao nhiêu học sinh?

A. 30.

B. 29.

C. 18.

D. 31.

Câu 11. Hãy liệt kê các kết quả có thể xảy ra của hoạt động tung 2 đồng xu cùng một lúc (S: sấp, N: ngửa).

A. $X = \{S, N, SS\}$ B. $X = \{SS, NN, SN\}$ C. $X = \{S, N\}$ D. $X = \{SN\}$

Câu 12. Liệt kê các số nguyên tố nhỏ hơn 11. Dãy dữ liệu mà các dữ liệu đều hợp lý là?

A. 1; 3; 5; 7; 9. B. 2; 3; 5; 7. C. 2; 3; 5; 7; 9. D. 1; 2; 3; 5; 7.

PHẦN II. TỰ LUẬN. (7,0 điểm)

Bài 1. (1,0 điểm) Biểu đồ tranh dưới đây cho biết lượng sách giáo khoa lớp 6 - bộ kết nối tri thức với cuộc sống, bán được tại một hiệu sách của ba mẹ bạn Nam vào ngày Chủ nhật vừa qua.

Toán	
Ngữ văn	
Tin học	

(Mỗi ứng với 6 quyển sách)

a) Sách nào bán được nhiều nhất? ít nhất?

b) Tổng số sách giáo khoa lớp 6 mà hiệu sách bán được trong ngày chủ nhật vừa qua là bao nhiêu quyển?

Bài 2. (1,25 điểm)

Hãy cho biết ở hình vẽ bên có bao nhiêu góc. Viết tên các góc bằng kí hiệu.

Bài 3. (1,25 điểm) Dựa vào biểu đồ dưới đây, hãy lập bảng thống kê số học sinh trung bình trong một lớp của cả nước trong 5 năm học?

Bài 4. (0,5 điểm) Cho $\widehat{xOy} = 35^\circ$, $\widehat{tOz} = 145^\circ$, $\widehat{mOn} = 90^\circ$, $\widehat{aOb} = 80^\circ$. Hãy sắp xếp các góc đã cho ở trên theo thứ tự tăng dần về số đo góc.

Bài 5. (1,0 điểm) Tiến hành đo nhiệt độ ngoài trời tại thành phố Hồ Chí Minh trong 50 ngày nắng nóng, người ta thấy có 12 ngày có nhiệt độ từ 35°C trở lên. Xác suất thực nghiệm của sự kiện “nhiệt độ ngoài trời dưới 35°C ” là bao nhiêu?

Bài 6. (1,0 điểm) Thư viện một trường THCS đã ghi lại số lượng truyện tranh và sách tham khảo mà các bạn học sinh đã mượn vào các ngày trong tuần

	Thứ hai	Thứ ba	Thứ tư	Thứ năm	Thứ sáu
Truyện tranh	25	35	20	40	30
Sách tham khảo	15	20	30	25	20

a) Vẽ biểu đồ cột kép biểu diễn bảng thống kê số lượng truyện tranh và sách tham khảo mà các bạn học sinh đã mượn.

b) Loại sách nào được các em học sinh mượn nhiều hơn?

Bài 7. (1,0 điểm) Nhân dịp khai trương, một cửa hàng pizza có chương trình khuyến mãi như sau, mua một cái giảm 15% giá, mua từ cái thứ hai giảm thêm 5% trên giá đã giảm cái bánh thứ nhất. Hỏi nếu mua hai cái bánh, em phải trả tối thiểu bao nhiêu tiền? Biết giá bánh ban đầu là 160 000 đồng một cái (làm tròn đến hàng nghìn đồng)

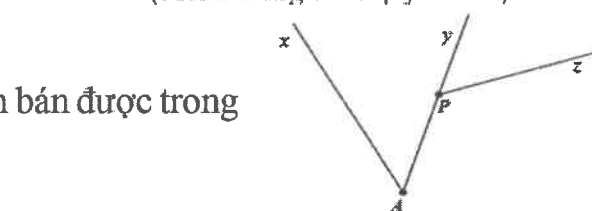
Hết

Họ tên học sinh: SBD:

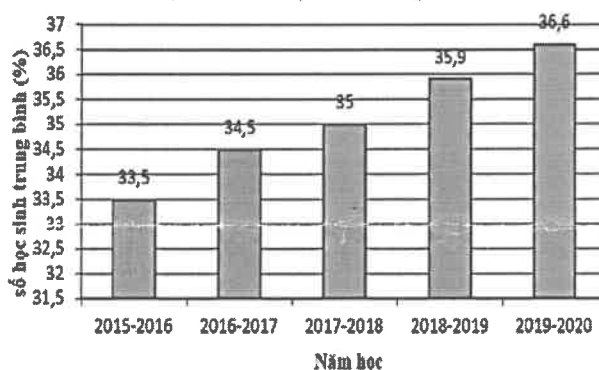
Giám thị 1: Kí tên:

Giám thị 2: Kí tên:

(Giám thị coi thi không giải thích gì thêm)



số học sinh trung bình trong một lớp



**PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐAM RÔNG**

ĐỀ CHÍNH THỨC
(Đề có 02 trang)

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ II

Năm học: 2024 – 2025

MÔN: TOÁN 7

*Thời gian làm bài: 90 phút
(không kể thời gian phát đề)*

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM (3,0 điểm) Chọn đáp án đúng trong các câu sau

Câu 1. Trong các đa thức sau, đa thức nào là đa thức một biến?

- A. $x + y$. B. $x^2 + 2xy$. C. $6 - 2y$. D. $x^2y + 2x^2$.

Câu 2. Nghiệm của đa thức $F(x) = x - 1$ là?

- A. $x = 7$. B. $x = 5$. C. $x = 2$. D. $x = 1$.

Câu 3. Chọn ngẫu nhiên một số trong tập hợp $S = \{1; 3; 5; 7\}$. Biến cố chắc chắn là?

- A. Biến cố A: “Số được chọn là số lẻ” B. Biến cố B: “Số được chọn là số 1”
C. Biến cố C: “Số được chọn là số chẵn” D. Biến cố D: “Số được chọn là số 3”

Câu 4. Sự kiện nào sau đây không phải là một biến cố ngẫu nhiên?

- A. Gieo xúc xắc xem xuất hiện mặt mấy chấm.
B. Đếm số quả táo trong một chiếc giỏ đựng táo.
C. Rút thẻ từ trong hộp và đọc số trên thẻ.
D. Tung một đồng xu xem xuất hiện mặt sấp hay mặt ngửa.

Câu 5. Gieo một con xúc xắc hai lần liên tiếp và quan sát số chấm xuất hiện trong mỗi lần gieo. Biến cố “Tổng số chấm xuất hiện trong hai lần gieo chia hết cho 2” là?

- A. Biến cố ngẫu nhiên. B. Biến cố không thể.
C. Biến cố chắc chắn. D. Các đáp án trên đều đúng.

Câu 6. Gieo một con xúc xắc 6 mặt cân đối. Tính xác suất của biến cố “Gieo được mặt có số chấm nhiều hơn 6”.

- A. 0 B. 0.2 C. 0.5 D. 1

Câu 7. Đường tròn đi qua ba điểm A, B, C phân biệt không thẳng hàng có tâm là?

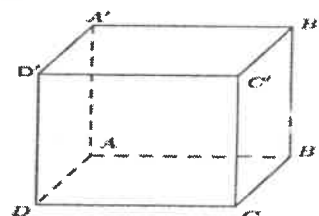
- A. giao điểm của ba đường trung tuyến của $\triangle ABC$.
B. giao điểm của ba đường phân giác của $\triangle ABC$.
C. giao điểm của ba đường trung trực của $\triangle ABC$.
D. giao điểm của ba đường cao của $\triangle ABC$.

Câu 8. Cho tam giác ABC vuông tại A. Điểm đồng quy của ba đường cao của tam giác nằm ở vị trí

- A. Nằm bên trong của $\triangle ABC$ B. Nằm trên cạnh BC
C. Nằm bên ngoài của $\triangle ABC$ D. Nằm trùng với điểm A

Câu 9. Cho hình hộp chữ nhật ABCD. A'B'C'D', có $AB = 5\text{cm}$, độ dài cạnh DC là

- A. 4 cm B. 5 cm
C. 6 cm D. 7 cm



Câu 10: Trong các câu trả lời dưới đây câu nào nói về hình lập phương là không đúng

- A. 4 đường chéo B. 8 đỉnh C. 6 mặt D. 14 cạnh

Câu 11: Các mặt bên của hình lăng trụ đứng là:

- A. Các hình bình hành B. Các hình thang cân
C. Các hình chữ nhật D. Các hình vuông

Câu 12: Các cạnh bên của hình lăng trụ đứng

A. Song song và không bằng nhau

B. Cắt nhau

C. Vuông góc với nhau

D. Song song và bằng nhau

PHẦN II. TỰ LUẬN. (7,0 điểm)

Bài 1. (1,5 điểm)

a) Tính: $2x^3 : x^2$

b) Cho đa thức $A = 6x^3 - 2x^2 - 9x + 3$, tìm đa thức P sao cho $A = (3x - 1) \cdot P$

Bài 2. (1,5 điểm) Gieo một con xúc xắc được chế tạo cân đối. Tìm xác suất của các biến cố sau:

a) A: “Số chấm xuất hiện trên con xúc xắc nhỏ hơn 7”;

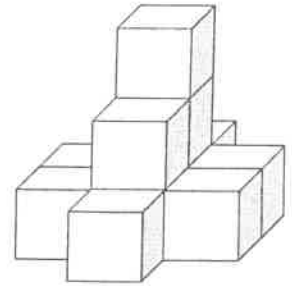
b) B: “Số chấm xuất hiện trên con xúc xắc là 0”;

c) C: “Số chấm xuất hiện trên con xúc xắc là 6”.

Bài 3. (1,5 điểm) Cho hình khối được tạo thành từ các hình lập phương như hình bên:

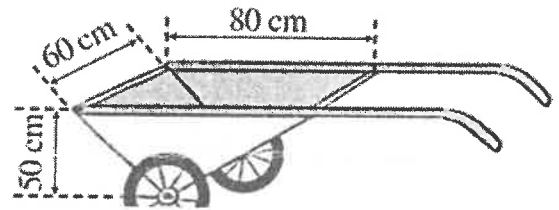
a) Có bao nhiêu hình lập phương nhỏ trong hình khối bên.

b) Biết độ dài cạnh của hình lập phương nhỏ là 2,5cm. Hỏi tổng thể tích của hình khối bên là bao nhiêu?



Bài 4. (1,0 điểm) Cho thể tích của hình lăng trụ đứng tam giác là 3,5 (lít), chiều cao là 7dm. Tính diện tích mặt đáy của lăng trụ đó.

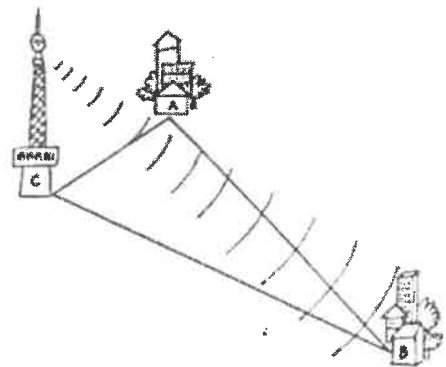
Bài 5. (0,5 điểm) Một xe chở hai bánh mà thùng chứa của nó có dạng lăng trụ đứng tam giác với các kích thước cho trên hình vẽ. Hỏi thùng chứa của xe chở hai bánh đó có thể tích bằng bao nhiêu?



Bài 6. (1,0 điểm) Ba thành phố A, B, C trên bản đồ là ba đỉnh một tam giác : Biết rằng $AC = 30$ km, $AB = 90$ km.

a) Nếu đặt ở C máy phát sóng truyền hình có bán kính hoạt động bằng 60 km thì thành phố B có nhận được tín hiệu không? Vì sao?

b) Cũng câu hỏi như trên với máy phát sóng có bán kính hoạt động bằng 120 km.



-----Hết-----

Họ tên học sinh: SBD:

Giám thị 1: Kí tên:

Giám thị 2: Kí tên:

(Giám thị coi thi không giải thích gì thêm)

**PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐÀM RÔNG**

ĐỀ CHÍNH THỨC
(Đề có 02 trang)

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ II

Năm học: 2024 – 2025

MÔN: TOÁN 8

Thời gian làm bài: 90 phút

(không kể thời gian phát đề)

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM (3,0 điểm) Chọn đáp án đúng trong các câu sau

Câu 1. Với điều kiện nào của a thì phương trình $ax + b = 0$ là một phương trình bậc nhất một ẩn (a, b là những hằng số)

A. $a = 0$.

B. $a \neq 0$.

C. $a \neq 1$.

D. $a \neq -1$.

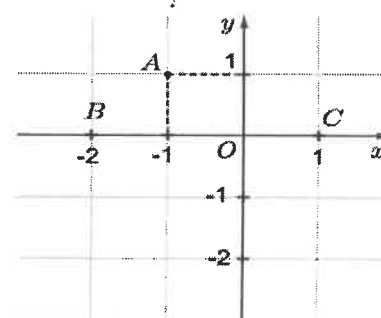
Câu 2. Trong mặt phẳng tọa độ Oxy , cho các điểm như hình vẽ bên. Điểm nào là điểm có tọa độ $(-1; 1)$?

A. Điểm A.

B. Điểm B.

C. Điểm C.

D. Điểm D.



Câu 3. Cho hàm số $y = f(x) = x^2 - 3$. Giá trị $f(1) = ?$

A. 0

B. -1

C. 1

D. -2

Câu 4. Cho đường thẳng $y = ax + b$. Với giá trị a thỏa mãn điều kiện nào sau đây thì góc tạo bởi đường thẳng đó với trục Ox là góc nhọn?

A. $a < 0$.

B. $a = 0$.

C. $a > 0$.

D. $a \neq 0$.

Câu 5. Xét phép thử tung con xúc xắc cân đối, đồng chất. Số kết quả có thể xảy ra?

A. 6.

B. 3.

C. 5.

D. 4.

Câu 6. Tỷ lệ học sinh bị cận thị ở một trường trung học cơ sở là 16%. Gặp ngẫu nhiên một học sinh của trường, xác suất học sinh đó không bị cận thị là

A. 0,16.

B. 0,94.

C. 0,84.

D. 0,5.

Câu 7. Phúc gieo một con xúc xắc 50 lần và thống kê kết quả các lần gieo ở bảng sau:

Mặt	1 chấm	2 chấm	3 chấm	4 chấm	5 chấm	6 chấm
Số lần xuất hiện	8	9	9	5	6	13

Xác suất thực nghiệm của biến cố “Gieo được mặt có số chấm là số lẻ” sau 50 lần thử trên là?

A. 0,46.

B. 0,52.

C. 0,54.

D. 0,48.

Câu 8. Trong hộp bút của bạn Hoa có 5 bút bi xanh, 3 bút bi đỏ và 2 bút bi đen. Xác suất thực nghiệm của biến cố “Bạn Hoa lấy một bút bi đỏ” là?

A. $\frac{2}{10}$.

B. $\frac{3}{10}$.

C. $\frac{5}{10}$.

D. 1.

Câu 9. Hình chóp tam giác đều có mặt bên là hình gì?

A. Tam giác vuông cân.

B. Tam giác đều.

C. Tam giác vuông.

D. Tam giác cân.

Câu 10. Hình chóp tứ giác đều có đáy là hình gì?

A. Hình thoi.

B. Hình vuông.

C. Hình chữ nhật.

D. Tam giác đều.

Câu 11. Một hộp chứa 10 tấm thẻ cùng loại được đánh số từ 4 đến 13. Hà lấy ra ngẫu nhiên 1 thẻ từ hộp. Xác suất để thẻ chọn ra ghi số nguyên tố là

- A. 0,2. B. 0,3. C. 0,4. D. 0,5.

Câu 12. Xét phép thử tung con xúc xắc 6 mặt một lần. Số kết quả thuận lợi cho biến cố A: “số chấm xuất hiện là số chẵn” là?

- A. 6. B. 3. C. 1. D. 2.

PHẦN II. TỰ LUẬN (7,0 điểm)

Bài 1. (0,5 điểm) Cho hàm số $y = 5x^2 - 3x + 2$. Tính $f(0)$; $f(-1)$.

Bài 2. (0,75 điểm) Vẽ đồ thị hàm số (d): $y = x + 4$.

Bài 3. (2,25 điểm) Bạn Phương thực hiện phép gieo một con xúc xắc cân đối và đồng chất.

a) Tính xác suất biến cố A: “Gieo được mặt có số chấm chia hết cho 2”.

b) Phương và Việt lần lượt thực hiện việc gieo đồng thời 1 con xúc xắc. Phương gieo 120 lần và thống kê lại kết quả các lần gieo ở bảng sau:

Mặt	1 chấm	2 chấm	3 chấm	4 chấm	5 chấm	6 chấm
Số lần xuất hiện	21	24	8	5	18	44

Hãy tính xác suất thực nghiệm của biến cố B: “Gieo được mặt có số chấm là số nguyên tố”.

c) Việt dự định thực hiện gieo con xúc xắc 80 lần. Trước khi Việt gieo, dự đoán xem có bao nhiêu lần Việt gieo được kết quả là: “Gieo được mặt có số chấm là số nguyên tố”. (Gợi ý: Dựa vào kết quả tính xác suất của Phương)

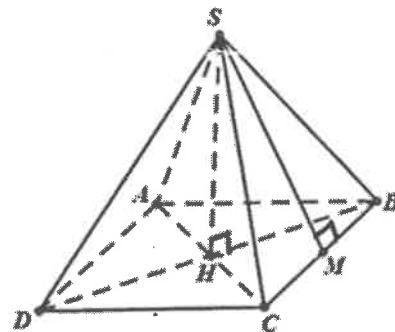
Bài 4. (1,0 điểm) Một hình chóp tứ giác đều S.ABCD có độ dài cạnh đáy là $BC = 12\text{cm}$; chiều cao $SH = 5,3\text{cm}$; độ dài cạnh bên $SB = 10\text{cm}$.

a) Tính diện tích xung quanh của hình chóp tứ giác đều S.ABCD

b) Tính thể tích của hình chóp tứ giác đều S.ABCD

Bài 5. (0,5 điểm) Xác định vị trí tương đối của 2 đường

thẳng sau: $(d_1): y = 2x - 2015$; $(d_2): y = 2x + \frac{-3}{5}$



Bài 6. (1,0 điểm) Tìm đường thẳng (d) là đồ thị của hàm số bậc nhất có hệ số góc là -5 và đi qua điểm M (-1;4)

Bài 7. (1,0 điểm) Lớp bạn 8A dự định gấp 100 hộp đựng quà dạng hình chóp tam giác đều có tất cả các mặt là hình tam giác đều cạnh 5 cm để đựng các món quà gửi tặng cho học sinh khó khăn nhận dịp ngày Quốc tế thiếu nhi 1-6. Cho biết chiều cao của mỗi mặt khoảng 4,3 cm. Tính diện tích giấy cần để làm hộp, biết rằng phải tốn 20% diện tích giấy cho các mép giấy và các phần giấy bị bỏ đi.

-----Hết-----

Họ tên học sinh: SBD:.....

Giám thị 1: Kí tên:.....

Giám thị 2: Kí tên:.....

(Giám thị coi thi không giải thích gì thêm)

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐÀM RÔNG ĐỀ CHÍNH THỨC <i>(Đề có 02 trang)</i>	ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ II Năm học: 2024 – 2025 MÔN: TOÁN 9 <i>Thời gian làm bài: 90 phút</i> <i>(không kể thời gian phát đề)</i>
--	--

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM (3,0 điểm) Chọn đáp án đúng trong các câu sau

Câu 1. Cho hình nón có bán kính đáy 10 cm, chiều cao 10 cm. Thể tích hình nón là?

- A. $1000\pi \text{ cm}^3$. B. $500\pi \text{ cm}^3$. C. $\frac{500\pi}{3} \text{ cm}^3$. D. $\frac{1000\pi}{3} \text{ cm}^3$.

Câu 2. Điều tra về sự tiêu thụ điện năng (tính theo *kwh*) của một số gia đình ở một tổ dân phố, ta có kết quả sau:

165	85	65	65	70	50	45	100	45	100
100	100	100	90	53	70	140	41	50	150

Có bao nhiêu hộ gia đình tiêu thụ với mức điện năng nhỏ hơn 100 *kwh*?

- A. 17. B. 12. C. 10. D. 5.

Câu 3. Kết quả khảo sát thời gian sử dụng liên tục (đơn vị: giờ) từ lúc sạc đầy cho đến khi hết pin của một số máy vi tính cùng loại được thống kê lại ở bảng sau:

Thời gian sử dụng pin (<i>X</i>) (giờ)	$[7, 2; 7, 4)$	$[7, 4; 7, 6)$	$[7, 6; 7, 8)$	$[7, 8; 8)$
Tần số	2	4	7	6

Số lượng máy tính có thời gian sử dụng từ 7,4 đến dưới 7,6 giờ là

- A. 11. B. 12. C. 13. D. 4.

Câu 4. Gieo một đồng xu có 2 mặt (mặt sấp và mặt ngửa) cân đối liên tiếp 2 lần. Số kết quả thuận lợi của biến cố A “ít nhất 1 đồng xu có mặt ngửa”

- A. 2. B. 4. C. 3. D. 6.

Câu 5. Cho tập hợp A là tập các số tự nhiên có hai chữ số được lập ra từ các chữ số 0; 9; 8. Chọn ngẫu nhiên một phần tử của tập hợp A. Số phần tử của không gian mẫu là:

- A. 6 B. 7 C. 8 D. 9

Câu 6. Chọn ngẫu nhiên một gia đình sinh hai con. Xác suất để gia đình có con gái là:

- A. $\frac{1}{2}$. B. $\frac{2}{3}$. C. $\frac{1}{3}$. D. $\frac{3}{4}$.

Câu 7. Bạn Giang gieo một con xúc xắc cân đối và đồng chất hai lần liên tiếp. Xác suất của biến cố “Lần gieo thứ hai xuất hiện mặt 3 chấm” là

- A. $\frac{1}{6}$. B. $\frac{1}{36}$. C. $\frac{2}{3}$. D. $\frac{1}{5}$.

Câu 8. Gieo một con xúc xắc. Phần tử nào sau đây không là phần tử của không gian mẫu?

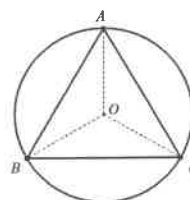
- A. mặt 7 chấm. B. mặt 4 chấm. C. mặt 3 chấm. D. mặt 1 chấm.

Câu 9. Thống kê điểm thi môn Toán trong một kì thi của 400 học sinh. Người ta thấy tần số tương đối của điểm 9 là 10%. Hỏi có bao nhiêu bài điểm 9?

- A. 45. B. 50. C. 40. D. 60.

Câu 10. Cho tam giác đều ABC nội tiếp đường tròn (O) . Phép quay nào dưới đây biến tam giác ABC thành chính nó?

- A. Phép quay thuận chiều 120° tâm C .
 B. Phép quay thuận chiều 120° tâm O .
 C. Phép quay thuận chiều 120° tâm A .
 D. Phép quay thuận chiều 120° tâm B .



Câu 11. Một hình trụ có bán kính đáy là 5cm, chiều cao của hình trụ 8cm. Diện tích xung quanh hình trụ là:

- A. 251,1 cm. B. 251,2 cm^2 C. 251,2 cm. D. 251,1 cm^2 .

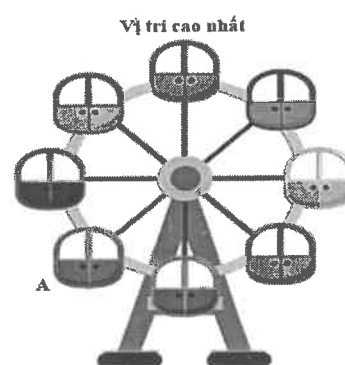
Câu 12. Cho mặt cầu tâm O bán kính R. Diện tích mặt cầu là

- A. πR^2 B. $2\pi R^2$ C. $3\pi R^2$ D. $4\pi R^2$

PHẦN II. TỰ LUẬN (7,0 điểm)

Bài 1. (0,75 điểm) Cho một hình cầu có diện tích mặt cầu là $100\pi \text{ cm}^2$. Tính bán kính hình cầu đó. (Kết quả làm tròn đến chữ số thập phân thứ 2).

Bài 2. (0,75 điểm) Cho vòng quay mặt trời gồm tám cabin như hình bên. Hỏi để cabin A di chuyển đến vị trí cao nhất thì vòng quay phải quay thuận chiều kim đồng hồ quanh tâm bao nhiêu độ?



Bài 3. (1,0 điểm) Tính diện tích tấm bìa cần dùng để làm một chiếc mũ sinh nhật có dạng hình nón với đường kính đáy 20cm và chiều cao 24cm (bỏ qua các mép nối và phần thừa, lấy $\pi \approx 3,14$).

Bài 4. (1,5 điểm) Sau khi làm bài kiểm tra môn ngữ văn giáo viên thống kê lỗi chính tả của học sinh lớp 9A được cho ở bảng sau:

Nhóm	$[0;2)$	$[2;4)$	$[4;6)$	$[6;8]$
Tần số	5	8	20	7

Hãy vẽ biểu đồ tần số tương đối ghép nhóm dạng cột cho bảng thống kê trên.

Bài 5. (1,25 điểm) Trong một túi đựng ba thẻ số 2; 3; 5. Hai bạn Thu và Thuận lần lượt bốc ngẫu nhiên một lần (bốc xong bỏ lại túi). Tính xác suất để bạn Thu bốc được số lớn hơn số của bạn Thuận.

Bài 6. (1,25 điểm) Một nhóm học sinh lớp 9A có ba bạn nam và hai bạn nữ. Giáo viên chọn ngẫu nhiên hai bạn trong nhóm để tham gia phong trào của trường. Tính xác suất để hai bạn được chọn là khác giới?

Bài 7. (0,5 điểm) Cho phương trình $x^2 + 8x - 15 = 0$. Gọi $x_1; x_2$ là hai nghiệm của phương trình. Không giải phương trình hãy tính giá trị của biểu thức $A = |x_1 - x_2|$

-----Hết-----

Họ tên học sinh: SBD:.....

Giám thị 1: Kí tên:.....

Giám thị 2: Kí tên:.....

(Giám thị coi thi không giải thích gì thêm)